

Bản án số: 37/2023/DS - ST

Ngày: 05/9/2023

“V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Quang Toàn;

2/ Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Dương là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lý Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST- DS, ngày 16 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 803/2023/QĐXXST- DS, ngày 04/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 907/2023/QĐST – DS, ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Ngọc G, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm 32, thôn Q, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1975 và bà Hồ Thị N, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Xóm 32, thôn Q, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị X, sinh năm 1963
Địa chỉ: Tổ 15, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh B.

Nguyên đơn ông Phạm Ngọc G có mặt; bị đơn bà Hồ Thị N, Phạm Thị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2022 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 12/01/2023; các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Ngọc G trình bày:

Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.769m² xã P, thị xã Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ Trần Thị N (cụ N là mẹ của bà Phạm Thị X); năm 2010 cụ Niệm vào tỉnh B sống với con gái là bà X; cụ N cho ông canh tác trồng hoa màu trên thửa đất đó (việc cho canh tác hoa màu trên thửa đất chỉ nói miệng với nhau) nên từ năm 2011 ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất trên để trồng hoa màu như bắp, đậu, cỏ voi... không ai tranh chấp gì. Tháng 5/2021 cụ N chết, bà X là tiếp tục cho ông được canh tác, sản xuất ... Tháng 7/2021 bà N và bà C đến thửa đất trên tự ý đập phá đường ống dẫn nước để tưới tiêu canh tác do ông lấp đặt nhằm mục đích lấy lại đất của ông bà (bà N, bà C nói đất này bà X cho họ canh tác); qua sự việc ông có báo cáo chính quyền địa phương.

Việc bà N, bà C tự ý đập phá tài sản của ông làm thiệt hại về tài sản, kinh tế của ông nên ông yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị C và bà Hồ Thị N phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông với tổng giá trị là 31.409.000đồng (*Ba mươi một triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn đồng*); trong đó: Công cụ tăng gia sản xuất là 8.909.000đồng bao gồm: Đường ống nước tưới tiêu, một mô tơ máy nước DK 20 và ngày công lắp đặt đường ống nước và do đường ống nước bị tháo dỡ dẫn đến cây trồng (đám cỏ voi) trên diện tích 250m² bị hư hại gây thiệt hại tới thu nhập hằng tháng của ông cụ thể: 1.500.000đ/30 ngày x 15 tháng (tính từ tháng 8/2021) = 22.500.000đ.

Bị đơn bà Hồ Thị N trình bày: Năm 2019 cụ N (mẹ bà X) nói miệng cho bà canh tác trên thửa đất 130 tờ bản đồ số 4, diện tích 2.769m² xã P, thị xã Đ; năm 2021 cụ N chết, bà X (con cụ N) cũng nói cho bà canh tác trồng hoa màu (nói miệng). Từ khi bà X cho bà quyền canh tác năm 2019 bà đã nhiều lần nói ông G giao đất cho bà làm nhưng ông G không chịu giao đất nên tháng 7/2021 bà và bà C có hành vi tháo dỡ toàn bộ đường ống nước ông G bắt dùng để tưới tiêu trên thửa đất nhưng bà không có hành vi đập phá tài sản như ông G trình bày, bà chỉ dỡ dọn chất thành đống, không hư hỏng gì, việc này công an xã P đã lập biên bản sự việc xảy ra. Nay, ông G yêu cầu bà bồi thường số tiền như trên, bà không đồng ý vì bà không có lỗi nhưng bà tự nguyện hỗ trợ cho ông G 400.000đ tiền công lắp đặt ống dẫn nước.

Bị đơn bà Phạm Thị C: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C nhưng bà C không đến Tòa, không trình bày ý kiến

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị X: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà X nhưng bà X không đến Tòa, không trình bày ý kiến

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà N, bà C bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm, đề nghị HĐXX buộc bà N, bà C phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông G số tiền là 2.500.000đ sau khi trừ đi số tiền ông G đã thanh lý tài sản được 975.000đ, theo đó bà N, C còn phải bồi thường cho ông G số tiền 1.525.000đ; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G về việc yêu cầu bà N, C bồi thường liên quan đến việc mất thu nhập hàng tháng số tiền 22.500.000đ. Đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là ông Phạm Ngọc G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị N, bà Phạm Thị C bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm” và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 26, các Điều 34, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là bà Hồ Thị N, Phạm Thị C các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù, bà N, bà C biết Tòa án đang giải quyết vụ án dân sự tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm mà mình là bị đơn nhưng vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh. Bà N và bà C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Hồ Thị N, bà Phạm Thị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Xét về lỗi gây ra thiệt hại: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất 130 tờ bản đồ số 4, diện tích 2.769m² xã P, thị xã Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ N; từ năm

2010 cụ N cho ông Phạm Ngọc G được quyền sử dụng thửa đất trên để canh tác hoa màu; quá trình ông G sử dụng, không ai phát sinh tranh chấp; bà N cho rằng: Năm 2019 cụ N nói miệng cho bà sử dụng thửa đất trên; năm 2021 cụ N chết, bà X là con gái duy nhất của cụ N cũng nói miệng cho bà canh tác hoa màu trên thửa đất ông G đang làm nên bà N đã nhiều lần yêu cầu ông G giao đất cho bà làm nhưng ông G không giao; ông G cho rằng, từ năm 2011 cụ N cho ông canh tác trên thửa đất, đến nay cụ N hay bà X đều không yêu cầu ông trả đất.

Như vậy, cụ N cho ông G canh tác trồng hoa màu trên thửa đất 130 là đúng thực tế mặc dù không có giấy tờ gì chứng minh nhưng các bên đương sự đều thừa nhận; tháng 7/2021 bà N và bà C đến thửa đất trên tự ý tháo dỡ toàn bộ đường ống nước dùng để tưới tiêu canh tác do ông G lắp đặt trên thửa đất là hành vi trái pháp luật; mặc dù, bà N và bà C không có hành vi đập phá tài sản trên nên hành vi của bà N, bà C không bị xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp Công văn số 166/CAX về việc trả lời đơn của ông Phạm Ngọc G, ngày 14/6/2022 của Công an xã P; ông G cũng thừa nhận sau khi nhận Công văn 166 ông không khiếu nại gì; tuy nhiên, hành vi của bà N, bà C đã xâm phạm đến tài sản của ông G cụ thể: Toàn bộ đường ống nước dùng để tưới tiêu canh tác hoa màu ông G đang sử dụng bình thường thì bà N, bà C tự ý tháo dỡ dẫn đến tài sản không còn sử dụng được nữa là do lỗi của bà N, bà C. Tài sản bị thiệt hại là các đường ống nước và các thiết bị có liên quan, theo kết quả định giá ngày 23/6/2023 kết luận: Các tài sản trên không còn giá trị sử dụng nên ông G đã bán số tài sản trên được 975.000đ (bán giá phế liệu). Tài sản bị thiệt hại là đường ống nước được ông G lắp đặt và sử dụng từ năm 2018, hơn nữa với tư cách là chủ sở hữu tài sản, lẽ ra sau khi cơ quan chức năng tiến hành làm việc xong ông phải có trách nhiệm bảo quản tài sản của mình nhưng ông không thực hiện nên ông G cũng có một phần lỗi trong việc để cho tài sản bị mất mát, giảm giá trị sử dụng.

Từ những phân tích nêu trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc G về tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm đối với bà Phạm Thị C, bà Hồ Thị N là có căn cứ.

[2.2] Xét về năng lực chịu trách nhiệm dân sự: Bà N, C là người có đầy đủ năng lực hành vi nên phải tự chịu trách nhiệm dân sự do hành vi của mình gây ra đối với tài sản của ông G.

[2.3] Xét mối quan hệ nhân quả giữa hành vi của bà N, bà C có hành vi tự ý tháo dỡ đường ống nước tưới tiêu của ông G dẫn đến làm thiệt hại tài sản (giảm sút giá trị sử dụng) là đúng thực tế nên buộc bà N, bà C phải chịu trách nhiệm dân sự đối với hành vi do mình gây ra và phải bồi thường thiệt hại cho ông G theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP, ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[2.4] Xét về hậu quả bị thiệt hại:

- Đối với phần yêu cầu về: Công cụ tăng gia sản xuất là 8.909.000đồng, bao gồm: Một mô tơ máy nước DK 20; đường ống nước cùng phụ kiện kèm theo và

ngày công lắp đặt đường ống nước: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của ông G thì bà N, bà C không có hành vi tháo dỡ mô tơ chạy nước DK 20 nên việc mô tơ bị hư hỏng không phải do hành vi trái pháp luật của bà N, bà C gây ra nên không chấp nhận yêu cầu bồi thường đối với mô tơ chạy nước DK 20; về đường ống nước (ống nhựa) cùng phụ kiện kèm theo (co, bec) hiện nay không còn giá trị sử dụng, ông G đã bán thanh lý tài sản được 975.000đ. Vì vậy, xét về lỗi của các bên và giá trị hao mòn tài sản trên là có căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 275 Bộ luật dân sự và Điều 589 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông G; buộc bà N, bà C liên đới bồi thường tổng thiệt hại cho ông G số tiền 2.500.000đ bao gồm cả ngày công lắp đặt đường ống nước, điều này bà N cũng thừa nhận hành vi của mình và có ý kiến tự nguyện hỗ trợ tiền công lắp đặt đường ống nước cho ông G số tiền 400.000đ; sau trừ đi số tiền 975.000đ ông G bán tài sản bị thiệt hại thu được; thì bà N, bà C còn phải cùng bồi thường cho ông G số tiền 1.525.000đ.

- Đối với phần yêu cầu về: Cây trồng trên đất (đám cỏ voi) trên diện tích 250m² bị hư hại gây thiệt hại tới thu nhập hằng tháng của ông cụ thể: 1.500.000đ/30 ngày x 15 tháng (tính từ tháng 8/2021) = 22.500.000đ. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì tại thời điểm bà N, bà C tháo dỡ đường ống nước trên đất chỉ có một số gốc cỏ voi đã được thu hoạch nhiều lần, cần cỗi ... ông G yêu cầu nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của ông là có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận đối với phần yêu cầu này.

[2.5] Về chi phí định giá tài sản số tiền 1.100.000đ. Trong vụ án này, yêu cầu của nguyên đơn là ông Phạm Ngọc G được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị C, bà Hồ Thị N phải chịu chi phí định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; ông G đã nộp và chi phí xong nên bà N, bà C cũng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông G số tiền 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*)

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 6, Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14. Bà N, bà C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của ông G đối với bà N, bà C được Tòa chấp nhận. Ông Phạm Ngọc G thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, các Điều 35, 39, 165, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 BLTTDS, Điều 6, Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc G. Buộc bà Hồ Thị N, bà Phạm Thị C phải cùng bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho Phạm Ngọc G với số tiền 1.525.000đ (*Một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*);

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc G đối với khoản bồi thường thiệt hại yêu cầu về cây trồng trên đất (đám cỏ voi) trên diện tích 250m² bị hư hại gây thiệt hại tới thu nhập hằng tháng của ông với số tiền 22.500.000đ (*Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

2. Về chi phí định giá tài sản số tiền 1.100.000đ. Ông Phạm Ngọc G đã nộp và chi phí xong nên bà Phạm Thị C, bà Hồ Thị N cùng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Phạm Ngọc G số tiền 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị C, bà Hồ Thị N cùng phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự. Ông Phạm Ngọc G thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (05/9/2023); bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tx Đ;
- Chi cục THADS Tx Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Thành viên Hội đồng xét xử:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Nguyễn Thị Bích Vân

Thành viên Hội đồng xét xử:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Điều 6. Về xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự

1. Việc bồi thường thiệt hại do tài sản bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng quy định tại khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự căn cứ vào thỏa thuận của các bên, trường hợp không thỏa thuận được thì xác định thiệt hại như sau:

a) Trường hợp tài sản là vật thì xác định thiệt hại đối với tài sản bị mất, bị hủy hoại căn cứ vào giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tác dụng và mức độ hao mòn của tài sản bị mất, bị hủy hoại tại thời điểm giải quyết bồi thường.

Đối với tài sản là tiền thì thiệt hại được xác định là số tiền bị mất, bị hư hỏng.

Đối với giấy tờ có giá bị mất, bị hư hỏng mà không thể khôi phục được thì thiệt hại được xác định là giá trị của các giấy tờ bị mất, bị hư hỏng tại thời điểm giải

quyết bồi thường. Trường hợp giấy tờ có giá bị mất, bị hư hỏng mà có thể khôi phục được thì thiệt hại được xác định là các chi phí cần thiết để khôi phục các giấy tờ đó.

b) Đối với tài sản bị hư hỏng, thiệt hại là chi phí để sửa chữa, khôi phục lại tình trạng tài sản trước khi bị hư hỏng theo giá thị trường tại thời điểm giải quyết bồi thường để xác định thiệt hại; nếu tài sản bị hư hỏng không thể sửa chữa, khôi phục thì thiệt hại được xác định theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị mất, bị giảm sút quy định tại khoản 2 Điều 589 của Bộ luật Dân sự là hoa lợi, lợi tức mà người bị thiệt hại đang hoặc sẽ thu được nếu tài sản không bị mất, bị hư hỏng.

Hoa lợi, lợi tức được tính theo giá thực tế đang thu, nếu chưa thu thì theo giá thị trường cùng loại hoặc mức giá thuê trung bình 01 tháng của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, tính năng, tác dụng và chất lượng tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiệt hại; đối với những tài sản trên thị trường không có cho thuê, hoa lợi, lợi tức được xác định trên cơ sở thu nhập trung bình của 03 tháng liền kề do tài sản bị thiệt hại mang lại trong điều kiện bình thường trước thời điểm thiệt hại xảy ra.

3. Chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại quy định tại khoản 3 Điều 589 của Bộ luật Dân sự là những chi phí thực tế, cần thiết tại thời điểm chi trong điều kiện bình thường cho việc áp dụng các biện pháp cần thiết làm cho thiệt hại không phát sinh thêm; sửa chữa, khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản bị xâm phạm.

Ví dụ: T đã có hành vi làm cháy nhà của H. Chi phí dập tắt đám cháy là X đồng; chi phí sửa chữa, khôi phục lại nhà như tình trạng ban đầu là Y đồng. Trường hợp này, X đồng là chi phí để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại. Y đồng là chi phí khắc phục thiệt hại.

Thành viên Hội đồng xét xử:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Nguyễn Thị Bích Vân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Lê Xuân Minh

Trần Thị Bích Thủy

Phạm Minh Vương